

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E503

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 20/07/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0176	Đỗ Quốc	Huy	1/9/2000			
2	TA0177	Nguyễn Bình Quang	Huy	27/6/1999			
3	TA0178	Nguyễn Đình	Huy	21/2/1999			
4	TA0179	Nguyễn Đức	Huy	16/12/2000			
5	TA0180	Trần Chí	Huy	16/12/2000			
6	TA0181	Vũ Duy	Huy	20/1/2000			
7	TA0182	Vũ Quang	Huy	7/9/2000			
8	TA0183	Nguyễn Thị	Huyền	19/10/1998			
9	TA0184	Nguyễn Thị	Huyền	29/7/2000			
10	TA0185	Nguyễn Thị Mai	Huyền	24/2/2000			
11	TA0186	Đỗ Minh	Khải	3/7/2000			
12	TA0187	Dương Văn	Khanh	25/1/1999			
13	TA0188	Đinh Minh	Khánh	18/1/2000			
14	TA0189	Lương Ngọc	Khánh	10/12/2000			
15	TA0190	Hà Giáp	Kien	7/8/1999			
16	TA0191	Lê Trung	Kiên	22/7/1999			
17	TA0192	Nguyễn Trung	Kiên	12/7/1999			
18	TA0193	Vũ Trung	Kiên	20/1/2000			
19	TA0194	Trần Đức	Lam	1/1/2000			
20	TA0195	Trần Thanh	Lam	16/6/2000			
21	TA0196	Trương Thị Hải	Lam	10/11/2000			

22	TA0197	Phạm Hồng	Lâm	27/3/1998			
23	TA0198	Đinh Thuý	Lan	28/5/2000			
24	TA0199	Đỗ Mai	Lan	21/2/2000			
25	TA0200	Đỗ Thị	Lan	7/7/1999			
26	TA0201	Nguyễn Ngọc	Lan	17/8/1999			
27	TA0202	Lê Tấn	Lập	9/2/2000			
28	TA0203	Nguyễn Thị Cẩm	Lê	21/11/2000			
29	TA0204	Lê Quý	Linh	31/12/2000			
30	TA0205	Lê Thị	Linh	6/5/2000			
31	TA0206	Lưu Thị Mỹ	Linh	25/1/2000			
32	TA0207	Nguyễn Quang	Linh	27/11/1999			
33	TA0208	Nguyễn Tuấn	Linh	4/5/2000			
34	TA0209	Phạm Thùy	Linh	24/11/2000			
35	TA0210	Tổng Khánh	Linh	12/12/2000			
36	TA0211	Trịnh Khánh	Linh	12/8/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)